TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 24/3/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm và bà Cao Thị Lệ Pha

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 594/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Sơn Thị T, sinh năm 19987

Địa chỉ: ấp Thạnh T, xã Long Đ, huyện Đông Hai, tỉnh Bạc Liêu

2/. *Bị đơn*: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Thạnh T, xã Long Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị T và anh Đ có đơn xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, chị Sơn Thị T và anh Trần Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Đ và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo Chị T xác định anh Đ thường xuyên đi nhậu, không lo cho gia đình, sự việc diễn ra hơn 01 năm nay, chị cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không sửa đổi từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không còn hạnh phúc. Nay tôi xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

Anh Đ xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn cải vã nhưng chỉ là chuyện nhỏ trong gia đình, anh thường xuyên đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nhưng khi về Chị T không nói chuyện với anh, hiện nay vợ chồng anh vẫn sống chung nhà, con anh vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ nên anh yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh Đ thống nhất xác định anh chị có 03 người con chung tên Trần Trung K, sinh ngày 10/6/2013, Trần Anh H, sinh ngày 27/6/2017 và Trần Hải A, sinh ngày 01/7/2020. Hiện nay đang sống chung với vợ chồng anh chị, khi ly hôn Chị T và anh Đ thỏa thuận giao 03 người con chung cho anh Đ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh chị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng Chị T

xác định vợ chồng không hàn gắn được và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên Chị T yêu cầu ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Chị T được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Về con chung: Chị T và anh Đ thống nhất xác định anh chị có 03 người con chung tên Trần Trung K, sinh ngày 10/6/2013, Trần Anh H, sinh ngày 27/6/2017 và Trần Hải A, sinh ngày 01/7/2020. Hiện nay đang sống chung với anh chị, khi ly hôn Chị T và anh Đ thỏa thuận giao 03 người con chung cho anh Đ nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Chị T và anh Đ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Chị T và anh Đ không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sơn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Trần Minh Đ. Anh Đ có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị T và anh Đ có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã

được Ủy ban nhân dân xã Long Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị T và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nhưng trong thời gian chung sống Chị T và anh Đ xãy ra mâu thuẫn, khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T xác định anh chị không thể tiếp tục chung sống với anh Đ. Như vậy mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T đối với anh Đ là hoàn toàn phù hợp.

Về con chung: Chị T và anh Đ thống nhất xác định anh chị có 03 người con chung tên Trần Trung K, sinh ngày 10/6/2013, Trần Anh H, sinh ngày 27/6/2017 và Trần Hải A, sinh ngày 01/7/2020. Hiện nay đang sống chung với vợ chồng anh chị, khi ly hôn Chị T và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao 03 người con chung cho anh Đ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Anh chị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình: Chị T nộp theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị T. Xử cho chị Sơn Thị T được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Trần Trung K, sinh ngày 10/6/2013, Trần Anh H, sinh ngày 27/6/2017 và Trần Hải A, sinh ngày 01/7/2020 cho anh Trần Minh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Sơn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4/. Về án phí: Chị Sơn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010855 ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Sơn Thị T và anh Trần Minh Đ được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- UBND xã Long Đ;
- Các đương sự;
- Lưu;

Thạch Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- UBND xã An Trạch A;
- Các đương sự;
- Lưu;

Thạch Thị Ngọc Bích

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- UBND xã An Trạch A;
- Các đương sự;
- Lưu;

Thạch Thị Ngọc Bích

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đ H, ngày 09 tháng 7 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ H.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

-Và Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông …….

2/. Ông …….

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Phan Thị My, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp Thành Thưởng A, xã An Trạch, huyện Đ H, Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Âu, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấ Ba Mến A, xã An Trạch A, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị My; Xử cho chị Phan Thị My được ly hôn với anh Nguyễn Văn Âu.

2/.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng Lam, sinh ngày 28/8/2018, cho chị Phan Thị My tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn Âu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Phan Thị My và anh Nguyễn Văn Âu không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5/. Về án phí: Chị Phan Thị My phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00011637 ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Phan Thị My và anh Nguyễn Văn Âu được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc……giờ…..phút, ngày 09 tháng 7 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**